

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực Năm 2024

Thực hiện Thông tư số 01/2024/TT-TTCCP ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; Công văn số 3790/UBND-NC ngày 22/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về chế độ báo cáo định kỳ công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) báo cáo tình hình thực hiện công tác Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN, TC) năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, TIÊU CỰC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi thành Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh¹. Sở KH&CN đã ban hành và triển khai thực hiện các Kế hoạch về Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực².

¹ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020, của Chính phủ về kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong năm 2024; Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 06/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW; ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn 3534/UBND-NC ngày 01/10/2021 về việc triển khai Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy...

² Kế hoạch số 03/KH-SKHCCN, ngày 11/01/2024 Kế hoạch Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 08/KH-SKHCCN, ngày 25/01/2024 Kế hoạch Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 22-4-2019 của Thủ tướng Chính phủ - Năm 2024; Kế hoạch số 09/KH-SKHCCN, ngày 26/01/2024 Kế hoạch Phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong công tác phòng, chống tham nhũng.

1.2. Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

- Thực hiện Kế hoạch số 4229/KH-UBND ngày 04/12/2023 Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chi ủy Chi bộ và Lãnh đạo đã ban hành, chỉ đạo triển khai Kế hoạch số 03/KH-SKHCN ngày 11/01/2024 tại Sở KH&CN; tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật, nhất là tuyên truyền phổ biến các văn bản về PCTN cho toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan.

- Tổ chức quán triệt đầy đủ đến đảng viên, công chức, viên chức, người lao động các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tổ chức triển khai Chỉ thị số 05/CT-TW của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đã nâng cao trách nhiệm của Chi bộ và từng đảng viên, công chức, viên chức trong công tác đấu tranh PCTN, TC lãng phí; triển khai thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030. Đưa công tác PCTN, TC lãng phí trở thành nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan.

1.3. Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp:

- Thường xuyên tổ chức rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ do các Bộ, ngành Trung ương và tỉnh Kon Tum ban hành để kịp thời phát hiện các văn bản không phù hợp, dễ bị lợi dụng để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế, bãi bỏ.

- Qua công tác rà soát văn bản pháp luật, từ đầu năm 2024 đến nay, Sở KH&CN xác định không có văn bản nào về pháp luật về khoa học và công nghệ (*do Trung ương, tỉnh ban hành*) không phù hợp, dễ bị lợi dụng để tham nhũng.

1.4. Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách):

Công tác phòng, chống tham nhũng tại Sở KH&CN giao cho Thanh tra Sở tham mưu thực hiện. Tổ chức bộ máy Thanh tra Sở có 05 biên chế (gồm: 01 Chánh Thanh tra, 01 Thanh tra viên và 03 Chuyên viên).

1.5. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

- Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN, TC được đưa vào kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hàng quý³ để tổ chức thực hiện.

³ Kế hoạch số 14/KH-SKHCN ngày 31/01/2024 của Sở KH&CN tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật Quý I năm 2024; Kế hoạch số 39/KH-SKHCN ngày 25/04/2024 Kế hoạch Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật Quý II năm 2024; Kế hoạch số 51/KH-SKHCN ngày 18/7/2024 Kế hoạch Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật Quý III năm 2024;); Kế hoạch số 59/KH-SKHCN ngày 30/9/2024 Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2024 tại Sở Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch số 61/KH-SKHCN ngày 17/10/2024 Kế hoạch Phổ biến giáo dục pháp luật quý IV năm 2024.

- Hình thức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tại các buổi họp giao ban; sinh hoạt chi bộ tại sở và các đơn vị trực thuộc với 06 đợt tuyên truyền và 250 lượt người tham gia.

Ngoài ra, Sở thường xuyên đăng tải các văn bản pháp luật và văn bản về công tác phòng, chống tham nhũng lên trang thông tin điện tử Sở, nhằm tạo điều kiện cho công chức, viên chức và người lao động truy cập nghiên cứu để thực hiện.

1.6. Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra)

Từ đầu năm đến nay, Sở chưa tổ chức thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với đơn vị trực thuộc.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

2.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

- Thông qua cuộc họp Chi bộ theo định kỳ và cuộc họp tổng kết cuối năm, Chi ủy Chi bộ, phối hợp Lãnh đạo Sở luôn đôn đốc, đồng thời kiểm tra việc công khai, minh bạch của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Những nội dung công khai, minh bạch của Sở KH&CN được niêm yết tại trụ sở cơ quan và gửi qua iOffice tới toàn thể cán bộ, công chức, người lao động biết, gồm: việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và công dân; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

- Sở Khoa học và Công nghệ luôn thực hiện tốt việc công khai thủ tục hành chính (TTHC) theo quy định, đã niêm yết công khai bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở tại cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc; đồng thời đăng tải trên Website của Sở theo đúng quy định.

- Thực hiện việc công khai số điện thoại đường dây nóng⁴, địa chỉ email của lãnh đạo Sở, lãnh đạo các Phòng, đơn vị trực thuộc để tiếp nhận những ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Luật PCTN.

Trong năm 2024, Sở Nội vụ Thanh tra về ngành nội vụ tại Sở KH&CN theo Quyết định số 03/QĐ-TTr ngày 22/05/2024 có nội dung: “công khai minh bạch theo quy định của Luật phòng chống tham nhũng ở lĩnh vực nội vụ”. Qua thanh tra, việc thực hiện công khai minh bạch theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ: Đã triển khai thực hiện báo cáo kết quả thực hiện công khai minh bạch theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Kết luận số 47/KL-TTr ngày 08/08/2024 của Thanh tra Sở Nội vụ.

2.2. Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

⁴ Thông báo số 17/TB-SKH&CN ngày 06/02/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ Thông báo Số điện thoại đường dây nóng và hộp thư điện tử công vụ của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum.

Việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tuân thủ nghiêm theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý, sử dụng tài sản công⁵. Tổ chức kiểm tra nội bộ về công tác tài chính, kế toán tại Sở và các đơn vị trực thuộc về tài chính, kế toán và xét duyệt quyết toán năm 2023 (theo Quyết định số 17/QĐ-SKHCN ngày 11/01/2024 Quyết định về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2023 tại Sở Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 42/QĐ-SKHCN ngày 14/3/2024 xét duyệt quyết toán năm 2023 tại các đơn vị dự toán trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.). Qua kiểm tra, đã kịp thời nhắc nhở và chấn chỉnh thực hiện tốt về tài chính, kế toán không để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí.

2.3. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn và kiểm soát xung đột lợi ích:

- Lãnh đạo Sở đã tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum (ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum); Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018.

- Sở đã ban hành Quyết định số 136/QĐ-SKHCN ngày 07/11/2022 về Quy chế làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum; Quyết định số 116/QĐ-SKHCN ngày 09/09/2022 việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 19/KH-SKHCN ngày 19/02/2024 kế hoạch Kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024; Quyết định số 25/QĐ-SKHCN ngày 24/01/2024 Quyết định Ban hành Quy định trách nhiệm giải trình tại Sở Khoa học và Công nghệ. Trong đó, quy định cụ thể về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Sở KH&CN tỉnh Kon Tum.

- Từ đầu năm 2024 đến nay, Sở không có trường hợp vi phạm quy định về quy tắc ứng xử, về tặng quà và nhận quà tặng, về xung đột lợi ích tại cơ quan, đơn vị.

- Số người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao do có xung đột lợi ích: Không

2.4. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

Sở đã ban hành Kế hoạch số 38/KH-SKHCN ngày 17/4/2024 chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2024 tại Sở Khoa học và Công nghệ. Theo đó, có 04 trường hợp thuộc đối tượng chuyển đổi vị trí công tác, trong kỳ báo cáo đã thực hiện chuyển đổi 02 trường hợp bằng hình thức phân công lại nhiệm vụ, chuyển đổi nội bộ trong phòng, 02 trường hợp chưa tới hạn chuyển đổi.

⁵ Quyết định số 10/QĐ-SKHCN ngày 08/01/2024 của Sở KH&CN Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024; Quyết định số 28/QĐ-SKHCN ngày 06/02/2024 về ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum; Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 quy định 07 (bảy) định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ngoài ra, từ đầu năm 2024 đến nay, Sở cũng đã thực hiện chuyển đổi 02 trường hợp bằng hình thức điều động⁶.

Từ đầu năm 2024 đến nay, Sở không có trường hợp nào vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện việc chuyển đổi.

2.5. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

- Cải cách hành chính

Trong năm 2024, lãnh đạo Sở đã quan tâm, chỉ đạo bộ phận tham mưu công tác cải cách hành chính của cơ quan xây dựng kịp thời các kế hoạch triển khai công tác CCHC⁷; các phòng và đơn vị trực thuộc chủ động thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Các TTHC tiếp tục được duy trì nghiêm ýet công khai, minh bạch theo đúng quy định; Từ đầu năm 2024 đến nay (*số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến 30/11/2024*), Sở đã tiếp nhận 33 hồ sơ và giải quyết 30 hồ sơ trước hạn (đạt tỷ lệ 100%), 03 hồ sơ đang trong thời gian giải quyết; công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL và tuyên truyền, phổ biến VBQPPL được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của đơn vị được thực hiện tốt, ngày càng có hiệu quả hơn, đặc biệt là trong việc sử dụng thư điện tử công vụ.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

+ Việc áp dụng khoa học, công nghệ tại Sở được cán bộ, công chức thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình giải quyết công việc thông qua hộp thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý văn bản Ioffice. Chính vì vậy, đã kịp thời thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan, đảm bảo công tác trao đổi thông tin, tài liệu qua mạng và quản lý văn bản dễ dàng, thuận tiện, tiết kiệm thời gian và chi phí. Đồng thời, Sở thường xuyên đăng tải các thông tin, văn bản ban hành liên quan đến công tác PCTN cũng như các văn bản pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị lên trang thông tin điện tử của cơ quan nhằm cung cấp thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp theo Luật tiếp cận thông tin năm 2016.

+ Từ đầu năm 2024 đến nay, đơn vị đã thực hiện việc chi lương; các chế độ thanh toán theo lương qua hệ thống tài khoản thẻ ngân hàng theo quy định

2.6. Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:

⁶ Quyết định số 68/QĐ-SKHCHN và Quyết định số 69/QĐ-SKHCHN ngày 07/05/2024 Về việc điều động công chức

⁷ Kế hoạch số 76/KH-SKHCHN ngày 22/12/2023 thực hiện công tác cải cách hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024; Kế hoạch số 06/KH-SKHCHN ngày 23/01/2024 Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024; Kế hoạch số 17/KH-SKHCHN ngày 05/02/ Kế hoạch Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024 tại Sở Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch số 12/KH-SKHCHN ngày 31/01/2024 theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024; Kế hoạch số 27/KH-SKHCHN ngày 01/03/2024 Tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2024 tại Sở Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch số 25/KH-SKHCHN ngày 28/02/2024 Kế hoạch khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch số 45/KH-SKHCHN ngày 03/07/2024 Kế hoạch phát huy ưu điểm và khắc phục tồn tại, hạn chế; duy trì, cải thiện và triển khai các giải pháp khắc phục, nâng cao các chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI

- Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập và công khai Bản kê tài sản, thu nhập của công chức, viên chức theo đúng quy định⁸. Đến nay 100% công chức, viên chức đối tượng có trách nhiệm kê khai đã hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập.

- Trong năm 2024, Sở đã phối hợp tiến hành triển khai xác minh tài sản, thu nhập theo Quyết định số 329-QĐ/UBNDTTU, ngày 08-01-2024 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ báo cáo (*số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/11/2024*): 08

- Số bản kê khai được công khai, hình thức công khai: 08

- Số người được xác minh tài sản thu nhập; kết quả xác minh: 01

- Số người bị kết luận kê khai tài sản, thu nhập không trung thực: Không

- Số cuộc kiểm tra việc thực hiện quy định về kê khai, công khai tài sản, thu nhập; kết quả kiểm tra: Không

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo: Không

3.1. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-SKHHCN, ngày 26/01/2024 Kế hoạch Phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong công tác phòng, chống tham nhũng. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của chi ủy chi bộ về phát huy ưu điểm, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm tại Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Thông báo số 12-TB/TW, ngày 06-4-2022 của Bộ Chính trị “về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực” gắn với lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với Chi ủy và đồng chí Bí thư Chi bộ, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, đồng chí đảng viên, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ⁹.

Số cuộc giám sát, kiểm tra, đôn đốc về PCTN, trong đó:

- Số cuộc kiểm tra, giám sát, đôn đốc về PCTN trong nội bộ cơ quan: Không

- Số cuộc kiểm tra, giám sát, đôn đốc về PCTN của cơ quan chức năng: Không.

- Số vụ việc nghiêm trọng, phức tạp về PCTN được chỉ đạo xử lý: Không

- Số kiến nghị khắc phục sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật và trong tổ chức thực hiện để PCTN: Không

3.2. Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

⁸ Kế hoạch số 63/KH-SKHHCN ngày 30/10/2023: Thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023; Kế hoạch số 54/KH-SKHHCN ngày 09/08/2024 Kế hoạch thực hiện kê khai, công khai Bản kê tài sản, thu nhập năm 2024.

⁹ Kế hoạch số 35-KH/CB ngày 23/10/2023 của Chi bộ Sở KH&CN; Kế hoạch số 64/KH-SKHHCN ngày 30/10/2023 của Sở KH&CN.

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:
Không

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (*Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...*): kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 và các chuyên đề lồng ghép của tỉnh Kon Tum, Sở Khoa học và Công nghệ có nội dung: “Xây dựng dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2022 gửi Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán NSNN tỉnh chưa đầy đủ cơ sở, căn cứ, chưa đúng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12 do chưa có danh mục đề tài/nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không hoạt động chuyên môn trong thời gian dài, hoạt động không hiệu quả.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã có báo cáo Sở Tài chính về kết quả khắc phục (*có Báo cáo kèm theo*).

3.3. Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là công tác tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Bộ Chính trị "*về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân*": Thực hiện theo quy định.

- Sở đã ban hành và niêm yết quy chế tiếp công dân, nội quy tiếp công dân¹⁰ tại trụ Sở KH&CN; thông báo địa điểm tiếp công dân, lịch tiếp công dân định kỳ của Giám đốc Sở¹¹.

- Từ đầu năm 2024 đến nay, Sở luôn thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong kỳ báo cáo, Sở nhận được 01 đơn khiếu nại của công dân, tuy nhiên qua rà soát nội dung đơn không phải đơn khiếu nại và không thuộc thẩm quyền Sở quản lý.

3.4. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có):

- Số cơ quan, đơn vị vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng: Không
- Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng: Không
- Số Vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng:
Không

3.5. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không

3.6. Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

¹⁰ Quyết định số 35/QĐ-SKHHCN ngày 28/03/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về ban hành Quy chế tiếp công dân tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum; Quyết định số 36/QĐ-SKHHCN ngày 28/03/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về Ban hành Quy chế tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Sở Khoa học và Công nghệ.

¹¹ Thông báo số 164/TB-SKHHCN ngày 26/12/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ thông báo lịch tiếp công dân thường xuyên và định kỳ năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum.

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được: Không
- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không
- + Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: Không
- + Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: Không

3.7. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu: Từ đầu năm đến nay Sở và đơn vị trực thuộc không có sai phạm phải lý trách nhiệm của người đứng đầu tại cơ quan, đơn vị.

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không

3.8. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra

- Số vụ việc, số đối tượng tham nhũng phát hiện trong kỳ báo cáo: Không;

- Kết quả xử lý tham nhũng (hình sự, hành chính): Không

4. Công tác tham mưu chuyển đổi, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 tại cơ quan.

Sở đã thành lập Ban Chỉ đạo ISO, trong đó Giám đốc Sở là đại diện chất lượng, các thành viên BCD là trưởng các phòng thuộc Sở để triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc duy trì và áp dụng HT QLCL tại cơ quan.

Ngay từ đầu năm, Sở và các phòng thuộc Sở đã ban hành mục tiêu chất lượng làm cơ sở thực hiện các mục tiêu chất lượng đã đề ra.

Các phòng đã thực hiện tốt việc rà soát các quy trình ISO, qua đó kịp thời bổ sung, sửa đổi quy trình do có sự thay đổi của các văn bản QPPL có liên quan.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN, TC

Ban thanh tra nhân dân đã được thành lập và hoạt động tích cực tại đơn vị, qua giám sát thường xuyên đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm và phòng ngừa các hành vi tham nhũng.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

Sở Khoa học và Công nghệ không trực tiếp thực hiện các hoạt động quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Toàn bộ hoạt động trong phòng, chống tham nhũng tại đơn vị thực hiện theo Hướng dẫn của Thanh tra tỉnh và các quy định hiện hành.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

Qua công tác tuyên truyền giúp nâng cao ý thức, trách nhiệm của công chức, viên chức và người lao động; tạo sự đồng tình ủng hộ và nghiêm túc thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, qua đó góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh phòng chống tham nhũng trong toàn ngành KH&CN. Trong kỳ báo cáo không phát hiện trường hợp nào vi phạm về tham nhũng.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

Hành vi tham nhũng có thể xảy ra trong lĩnh vực: Việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; việc thực hiện các quy định về đầu tư, quản lý tài sản của các đơn vị; việc giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quản lý Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, An toàn bức xạ; thẩm định công nghệ; công tác thanh tra, kiểm tra...vv

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị và nguyên nhân: Sở KH&CN đã tổ chức thực hiện nghiêm kế hoạch phòng chống tham nhũng, đồng thời tăng cường phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan. Việc tham nhũng trong thực thi công vụ của công chức, viên chức cơ quan đến nay chưa xảy ra.

2. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN, TC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị: Hiện tại trong lĩnh vực ngành quản lý chưa có biểu hiện của việc tham nhũng trong thi hành nhiệm vụ.

3. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN,TC: hiện tại đơn vị không có khó khăn vướng mắc trong công tác PCTN, TC: Qua triển khai các quy định về Luật phòng chống tham nhũng và các quy định hướng dẫn, Sở chưa gặp vướng mắc hoặc khó khăn trong công tác PCTN, TC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

1.1. Phương hướng chung trong thời gian tới:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác PCTN, TC theo kế hoạch của Sở và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến văn bản pháp luật nói chung và các văn bản về PCTN, đồng thời đăng tải lên trang thông tin điện tử của Sở và mục thông tin điều hành trên hệ thống quản lý văn bản (Ioffice) để toàn thể công chức, viên chức và người lao động nghiên cứu, thực hiện.

1.2. Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện:

Thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức, người lao động để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, những thiếu sót trong thực thi công vụ.

1.3. Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế:

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về PCTN, TC; có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động nhằm phòng ngừa tham nhũng, phát hiện và xử lý nghiêm đối tượng tham nhũng.

- Bám sát các quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn nhằm tránh sai sót, nhất là công tác quản lý tài chính, tài sản.

- Thực hiện tốt công tác xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tránh để đơn thư tồn

động kéo dài.

- Chú trọng cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện luân chuyển cán bộ, công chức ở một số chức danh theo qui định để hạn chế tiêu cực có thể xảy ra

- Phối hợp với các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra chú trọng thu thập đầy đủ thông tin để có kết luận thuyết phục; gắn kiểm tra hồ sơ, chứng từ, sổ sách với kiểm tra chất lượng thực tế tại hiện trường, hiện trạng.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về PCTN, TC (*nếu phát hiện sơ hở, bất cập*): Không

2.2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN, TC (*nếu có vướng mắc*): Không

2.3. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền áp dụng các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, TC khắc phục những khó khăn, vướng mắc: Không

2.4. Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất: Không

(*Có các Biểu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN kèm theo*)

Trên đây là báo cáo nội dung về kết quả công tác Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024. Sở Khoa học và Công nghệ, báo Thanh tra tỉnh biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ KH&CN (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở (biết);
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (biết);
- Trung tâm NUDKHCN (đăng Trang TTĐT Sở KH&CN);
- Lưu VT, TTra.

GIÁM ĐỐC



Bùi Thanh Bình

Biểu số:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨ
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/11/2024)

| MS | NỘI DUNG | ĐVT |
|----|--|------------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản |
| 3 | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản |
| 4 | Số cuộc giám sát, kiểm tra, đôn đốc về PCTN | Cuộc |
| 5 | Số văn bản về PCTN hoặc có liên quan đến PCTN đã xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành | Văn bản |
| 6 | Số kiến nghị khắc phục sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật và trong tổ chức thực hiện để PCTN | Kiến nghị |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC | |
| 7 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức | Lớp |
| 8 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC | Lượt người |
| 9 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản | Tài liệu |
| | THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC | |
| 10 | Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC | Cuộc |
| 11 | Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận | Cuộc |
| 12 | Số đơn vị được thanh tra | Đơn vị |
| | Kiến nghị xử lý hành chính | |
| 13 | + Tập thể | tập thể |
| 14 | + Cá nhân | người |
| | Kiến nghị xử lý hình sự | |
| 15 | + Số vụ | vụ |
| 16 | + Số đối tượng | Đối tượng |

| | | |
|----|--|------------|
| | PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | |
| | Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | |
| 17 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | Cuộc |
| 18 | Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, ĐV |
| 19 | Số cơ quan, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, ĐV |
| | Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ | |
| 20 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới | Văn bản |
| 21 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ | Văn bản |
| 22 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Cuộc |
| 23 | Số cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | CQ, ĐV |
| 24 | Số đơn vị vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Đơn vị |
| 25 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Người |
| 26 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính | Người |
| 27 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự | Người |
| 28 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |
| 29 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng |
| | Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | |
| 30 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | Cuộc |
| 31 | Số cơ quan, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | CQ, ĐV |
| 32 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người |
| 33 | Số cơ quan, đơn vị vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng | Đơn vị |
| 34 | Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng | Người |
| 35 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người |
| 36 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |

| | | |
|------|---|--------------|
| 37 | Số người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao do có xung đột lợi ích | Người |
| 38 | Số người bị chuyển sang vị trí công tác khác do có xung đột lợi ích trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao | Người |
| 39 | Số người bị xử lý do có vi phạm vi xung đột lợi ích | Người |
| 40 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ | Người |
| | Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn | |
| 41 | Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người |
| 42 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người |
| | Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt | |
| 43 | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục |
| 44 | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục |
| 45 | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên | Lượt thủ tục |
| 46 | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Cuộc |
| 47 | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Vụ |
| | Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn | |
| 48 | Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ | Người |
| 49 | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ | Người |
| 50 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người |
| 51 | Số cơ quan, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, ĐV |
| 52 | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người |
| 52.1 | Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực | Người |
| 52.2 | Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | |
| 53 | Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ |
| 54 | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người |

| | | |
|----|---|---------|
| | Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị | |
| 55 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Vụ |
| 56 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Người |
| 57 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Vụ |
| 58 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Người |
| 59 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, | Vụ |
| | - Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra | Vụ |
| 60 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, | Người |
| | - Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra | Người |
| 61 | Số vụ tham nhũng bị phát hiện qua kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng | Vụ |
| 62 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng | Người |
| | Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán | |
| 63 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Vụ |
| 64 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người |
| 65 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra | Vụ |
| 66 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra | Người |
| 67 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Vụ |
| 68 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Người |
| | Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | |
| 69 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ việc |
| 70 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét | Vụ việc |
| 71 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ |
| 72 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | người |

| | | |
|------|---|-------|
| | Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo | |
| 73 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ |
| 74 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người |
| | Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có) | |
| 75 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác | Vụ |
| 76 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác | Người |
| | Qua điều tra tội phạm | |
| 77 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ |
| 78 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người |
| | Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng | |
| 79 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo | Người |
| 80 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù | Người |
| 81 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo | Người |
| 82 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng | Người |
| | XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHŨNG | |
| 83 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người |
| 84 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người |
| 85 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người |
| 85.1 | - Khiển trách | Người |
| 85.2 | - Cảnh cáo | Người |
| 85.3 | - Cách chức | Người |
| | XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | |
| 86 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án) | Vụ |
| 87 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó: | Người |
| 87.1 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng | Người |
| 87.2 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng | Người |
| 87.3 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng | Người |

| | | |
|------|---|------------|
| 87.4 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng | Người |
| 88 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ |
| 89 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người |
| | Trong đó, số đảng viên bị xử lý kỷ luật | Người |
| 90 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ |
| 91 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người |
| | Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được | |
| 92 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |
| 93 | Đất đai | m2 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | |
| 94 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |
| 94.1 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính | Triệu |
| 94.2 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp | Triệu |
| 95 | Đất đai | m2 |
| 95.1 | - Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính | m2 |
| 95.2 | - Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp | m2 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | |
| 96 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |
| 97 | Đất đai | m2 |
| | PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị) | |
| 98 | Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ |
| 99 | Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người |
| 100 | Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự | Vụ |
| 101 | Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự | Người |
| 102 | Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính | Vụ |
| 103 | Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật | Người |

| | PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC | |
|-----|--|------------|
| 104 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý | Tổ chức |
| 105 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC | Tổ chức |
| 106 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC | Tổ chức |
| 107 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Vụ |
| 108 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Người |
| 109 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự | Người |
| 110 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |
| 111 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |

: 01/PCTN
ỨNG

| SỐ LIỆU |
|---------|
| |
| 12 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 6 |
| 250 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |

| |
|----|
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 4 |
| 2 |
| |
| 55 |
| 48 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 9 |
| 9 |
| 1 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |

| |
|---|
| |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |

| |
|---|
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |
| 0 |

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/11/2024)

| TT | Tên vụ | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc | Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc | Tóm tắt nội dung vụ việc, kết quả xử lý | Ghi chú |
|-----------|---------------|--|---|--|----------------|
| 1 | - | - | - | - | - |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG(*)*(Số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/11/2024)*

| TT | Tên, số, ngày, tháng, năm | Cơ quan ban hành văn bản | Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng | Kết quả khắc phục | | | Ghi chú |
|-----------------|---------------------------|--------------------------|--|-----------------------------------|---------------------|--|----------|
| | | | | Đã được khắc phục theo thẩm quyền | Chưa khắc phục xong | Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong | |
| <i>MS</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| Tổng số: | | | | | | | |

Hướng dẫn cách ghi biểu:

(*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4), (5): Điền dấu "X"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "X" tại cột (5)